

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 48/2020/HS-ST
Ngày 24 tháng 9 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Q.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quốc T, ông Đinh Công H.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị H - Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà Vũ Như T- Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2020/TLST- HS ngày 01/9/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 9 năm 2020, đối với bị cáo:

Bùi Thanh H, tên gọi khác: Không, sinh năm: 1997 tại xã P, huyện Q, tỉnh N. Nơi cư trú: Thôn Lão Cầu, xã P, huyện Q, tỉnh N. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Giới tính: Nam. Trình độ văn hóa: Lớp 09/12. Con ông: Bùi Văn H và bà Trần Thị H; vợ con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/5/2020, chuyển tạm giam ngày 01/6/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh N cho đến nay. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Bùi Thị Hoài T, sinh năm 1995. Có mặt.

Trú tại: Thôn Lão Cầu, xã P, huyện Q, tỉnh N.

Người làm chứng: Các anh Lê Văn H, Bùi Văn D. Điều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thanh H là người sử dụng ma túy từ năm 2017 đến nay. Khoảng 21 giờ 30 ngày 29/5/2020, do có nhu cầu sử dụng ma túy, H điều khiển xe mô tô đeo Biển kiểm soát 29S1-278.13, đi từ nhà ở thôn Lão Cầu, xã P, huyện Q đến xã H, huyện T, tỉnh H với mục đích tìm mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Khi đi qua cầu Đoàn Vỹ, xã H, huyện T, tỉnh H khoảng 20m về hướng H, H gặp và mua của một người phụ nữ không quen biết đang đứng ở rìa đường bên phải 01 túi nilon màu trắng kích thước (2,5x2) cm, trên miệng túi có viền chỉ màu trắng, bên trong đựng các tinh thể màu trắng và 01 túi nilon màu trắng kích thước (3x3) cm, trên miệng túi có viền chỉ màu đỏ, bên trong đựng 02 viên nén đều có hình tròn, đường kính

0,9 cm, màu hồng, trên một mặt đều có in chìm chữ “X”, với số tiền 500.000 đồng. H không mở ra kiểm tra nhưng xác định đó là ma túy đá và 02 viên thuốc lắc nên cầm ở tay trái rồi điều khiển xe mô tô đi về khu vực huyện G. Khoảng 0 giờ 10 phút ngày 30/5/2020, khi đi đến khu vực đường Quốc lộ 1A ngã ba Gián Khẩu, thuộc địa phận thôn 6, xã G, huyện G, H dừng xe mô tô với mục đích tìm nơi sử dụng ma túy, thì gặp Tổ công tác Công an huyện G phối hợp với Đoàn công an khu công nghiệp Gián Khẩu đang làm nhiệm vụ tuần tra kiểm soát trên địa bàn yêu cầu kiểm tra. Biết không thể che giấu được hành vi cất giấu trái phép chất ma túy của mình, Bùi Thanh H tự nguyện giao nộp cho Tổ công tác 02 túi nilon đang cầm ở tay trái và khai nhận đó là ma túy đá và thuốc lắc, H vừa mua để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác tiến hành lập biên bản, niêm phong 02 túi nilon chứa ma túy thu giữ của H có đặc điểm nêu trên. Ngoài ra, còn thu giữ của Bùi Thanh H 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade sơn màu đen, đeo Biển kiểm soát 29S1-278.13, số khung: RLHJF18027Y50758G; số máy: JF18E-500750; 01 điện thoại di động Iphone vỏ màu trắng, đã qua sử dụng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã tiến hành niêm phong vật chứng thu giữ của Bùi Thanh H gồm: 01 túi nilon màu trắng bên trong đựng các tinh thể màu trắng ký hiệu M1; 01 túi nilon màu trắng bên trong đựng 02 viên nén hình tròn màu hồng, trên một mặt đều có in chìm chữ “X” ký hiệu M2, M3 để quyết định trưng cầu giám định xác định khối lượng và giám định chất ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 132/KLGĐ-PC09-MT ngày 01/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận:

- Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,2014 gam (không thấy hai nghìn không trăm mười bốn) gam, là ma túy, loại Methamphetamine.

Methamphetamine là chất ma túy thuộc bảng Danh mục II, số thứ tự 323; Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

- Mẫu viên nén hình tròn màu hồng, một mặt in chìm chữ “X” gửi giám định ký hiệu M2 có khối lượng 0,3728 gam; M3 có khối lượng 0,3916. Tổng khối lượng hai viên nén hình tròn màu hồng trong hai mẫu gửi giám định ký hiệu M2, M3 là 0,7644 (không thấy bảy nghìn sáu trăm bốn mươi bốn) gam. Mẫu gửi giám định ký hiệu M2, M3 đều là ma túy, loại MDMA.

MDMA là chất ma túy có số thứ tự 27, thuộc bảng Danh mục I, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã tách phần tài liệu liên quan đến chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade đeo Biển kiểm soát 29S1- 278.13 để tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau.

Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã ra quyết định chuyển 01 phong bì niêm phong theo quy định do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N bàn giao sau giám định, trên phong bì ghi số 132/KLGĐ-PC09-MT, bên trong có chứa chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,1409 gam, là ma túy, loại Methamphetamine; Chất bột màu hồng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M2 có khối lượng 0,2199 gam, M3 có khối lượng 0,1949, đều là ma túy, loại MDMA; Toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong; 01 phong bì niêm phong theo quy định pháp luật, đựng vật chứng còn lại sau khi cân xác định khối lượng gồm: 02 vỏ túi nilon màu trắng và 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu và 01

điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng đã qua sử dụng, đến kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G để giải quyết theo quyết định của pháp luật.

Quá trình điều tra, bị cáo H đã khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 49/CT-VKS-GV ngày 01/9/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố Bùi Thanh H ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự(BLHS).

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến KH nại gì về kết luận giám định và Bản cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung Bản cáo trạng. Sau khi luận tội đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Thanh H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, các điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự(BLTTHS). Xử phạt bị cáo Bùi Thanh H từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 30/5/2020; Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong theo quy định do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N bàn giao sau giám định, trên phong bì ghi số 132/KLGD-PC09-MT, bên trong có chứa chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,1409 gam, là ma túy, loại Methamphetamine; Chất bột màu hồng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M2 có khối lượng 0,2199 gam, M3 có khối lượng 0,1949, đều là ma túy, loại MDMA; Toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong; 01 phong bì niêm phong theo quy định pháp luật, đựng vật chứng còn lại sau khi cân xác định khối lượng gồm: 02 vỏ túi nilon màu trắng và 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; Trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng đã qua sử dụng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì. Được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người có quyền lợi, N vụ liên quan có mặt không có ý kiến tranh luận gì

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, N vụ liên quan không có ý kiến KH nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Phân tích các chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa bị cáo Bùi Thanh H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo cùng các chứng cứ khác thể hiện rõ: Do mắc nghiện ma túy từ năm 2017, để có ma túy đáp ứng nhu cầu của bản thân nên khoảng 21 giờ 30 ngày 29/5/2020, H điều khiển xe mô tô đeo Biển kiểm soát 29S1-278.13 đến khu vực cầu Đoàn Vỹ thuộc xã H,

huyện T, tỉnh H. Tại đây, H gặp và mua được của một người phụ nữ không quen biết đang đứng ở rìa đường bên phải 01 túi nilon màu trắng kích thước (2,5x2) cm, trên miệng túi có viền chỉ màu trắng, bên trong đựng các tinh thể màu trắng và 01 túi nilon màu trắng kích thước (3x3) cm, trên miệng túi có viền chỉ màu đỏ, bên trong đựng 02 viên nén đều có hình tròn, đường kính 0,9 cm, màu hồng, trên một mặt đều có in chìm chữ “X”, với số tiền 500.000 đồng. H không mở ra kiểm tra nhưng xác định đó là ma túy đá và 02 viên thuốc lắc nên cầm ở tay trái rồi điều khiển xe mô tô đi về. Khoảng 0 giờ 10 phút ngày 30/5/2020, khi đi đến khu vực đường Quốc lộ 1A ngã ba Gián Khẩu, thuộc địa phận thôn 6, xã G, huyện G, thì H gặp Tổ công tác Công an huyện G phối hợp với Đoàn công an khu công nghiệp Gián Khẩu đang làm nhiệm vụ, Bùi Thanh H tự nguyện khai nhận bản thân có sử dụng ma túy, vừa đi mua ma túy ở xã H, huyện T, tỉnh H để sử dụng cho bản thân.

Rõ ràng bị cáo đã có hành vi cất dấu 0,2014 gam ma túy, loại Methamphetamine và 0,7644 gam ma túy, loại MDMA đúng như kết luận giám định, Bản cáo trạng đã mô tả nêu trên nhằm để sử dụng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với kết luận giám định, với lời khai của người làm chứng, với biên bản vụ việc, vật chứng của vụ án đã được thu giữ và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Căn cứ tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo, số loại ma túy và khối lượng Methamphetamine, MDMA mà bị cáo tàng trữ, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo điểm i khoản 1 Điều 249 của BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy.

[4]. Bản thân bị cáo là người đã thành niên nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện, học tập mà sớm sa vào con đường nghiện ngập ma túy dẫn đến phạm tội. Ma túy là một tệ nạn mà Nhà nước ta đang ra sức loại trừ, vì ma túy mà nhiều gia đình bị khuynh gia bại sản, vợ chồng ly tán. Ma túy một mặt ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người sử dụng, mặt khác ảnh hưởng đến sự phát triển của giống nòi, là hiểm họa gây nên căn bệnh HIV/AIDS, đồng thời là nguyên nhân gây nên một loạt các loại tội phạm khác.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo là người có nhân thân rất xấu.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo đã tự thú về hành vi phạm tội của mình thể hiện khi thấy lực lượng Công an làm nhiệm vụ yêu cầu kiểm tra, bị cáo đã tự nguyện giao nộp số ma túy mà bị cáo cất dấu và khai báo rõ về hành vi phạm tội của mình. Đó là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trên cơ sở các tình tiết tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét bị cáo tàng trữ hai loại ma túy với khối lượng khá lớn nên cần có một hình phạt thật nghiêm M đối với bị cáo bằng việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương đối dài mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội đồng thời góp phần răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện hoàn cảnh bản thân của bị cáo là con nghiện, việc tàng trữ ma túy chỉ nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 phong bì niêm phong theo quy định do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N bàn giao sau giám định, trên phong bì ghi số 132/KLGD-PC09-MT, bên trong có chứa chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,1409 gam, là ma túy, loại Methamphetamine; Chất bột màu hồng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M2 có khối lượng 0,2199 gam, M3 có khối lượng 0,1949, đều là ma túy, loại MDMA; Toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong; 01 phong bì niêm phong theo quy định pháp luật, đựng vật chứng còn lại sau khi cân xác định khối lượng gồm: 02 vỏ túi nilon màu trắng và 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng đã qua sử dụng không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo H nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với người phụ nữ H không biết tên, tuổi, địa chỉ đã bán ma túy cho Bùi Thanh H ngày 29/5/2020 (*theo lời khai của H*) ở khu vực đầu Cầu Đoan Vỹ thuộc xã H, huyện T, tỉnh H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã tiến hành điều tra xác M, nhưng không xác định được, do đó không có căn cứ để xử lý trong vụ án này.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade đeo Biển kiểm soát 29S1-278.13 do Bùi Thanh H mượn xe mô tô của chị Bùi Thị Hoài T (*là chị ruột của H*). Việc H sử dụng xe mô tô để đi mua ma túy, chị T không biết. Tuy nhiên qua điều tra xác M: Biển kiểm soát 29S1- 278.13 là của xe mô tô nhãn hiệu NAGAKI, sơn màu đỏ đen; số máy 00002717, số khung 002717, chủ sở hữu chiếc xe mang tên Nguyễn Đức M, trú tại V, xã V, huyện Đ, H. Còn xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade sơn màu đen, số khung RLHJF18027Y507586; số máy JF18E-5007502, có biển kiểm soát 29Y1-3754, chủ sở hữu chiếc xe mang tên Đỗ Văn N trú tại 19 Ngh3/79 T, Đ, H.

Theo lời khai của chị Bùi Thị Hoài T: Biển kiểm soát 29S1- 278.13 là của một xe mô tô do chị T mua tại một cửa hàng bán xe máy cũ ở thành phố H vào năm 2014 (chị T không nhớ tên, địa chỉ cửa hàng), việc mua bán không có giấy tờ. Quá trình sử dụng, chiếc xe mô tô bị hỏng nên chị T đã bán cho một cửa hàng phế liệu ở thành phố H (chị T không nhớ tên cửa hàng và địa chỉ cụ thể) nhưng vì thích chiếc Biển kiểm soát 29S1- 278.13 nên chị T giữ lại. Còn đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, sơn màu đen, số khung RLHJF18027Y507586; số máy JF18E-5007502, chị T mua của một người đàn ông không quen biết tại một quán nước vỉa hè ở thành phố H vào cuối năm 2015, việc mua bán không có giấy tờ. Đến giữa năm 2018, khi tham gia giao thông tại thành phố H, chiếc biển kiểm soát của xe Honda Air Blade bị rơi mất, chị T không xin cấp lại mà đã lắp chiếc Biển kiểm soát 29S1-278.13 vào chiếc xe mô tô này và tiếp tục tham gia giao thông.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã uỷ thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Đ, thành phố H để tiến hành xác M về nguồn gốc đối với chiếc Biển kiểm soát 29S1-

278.13 và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade. Quá trình điều tra xác định như sau:

Đối với Biển kiểm soát 29S1- 278.13 của xe mô tô mang tên chủ sở hữu Nguyễn Đức M, anh M mua xe mô tô vào khoảng tháng 7 năm 2013. Khoảng tháng 01 năm 2014, anh M bán xe mô tô cho một người không quen biết, việc mua bán có viết tay và có bàn giao giấy chứng nhận đăng ký xe cho chủ mới. Quá trình sử dụng chiếc xe mô tô anh M không làm mất, cũng không cho ai chiếc Biển kiểm soát 29S1-278.13.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, chủ sở hữu anh Đỗ Văn N. Theo lời khai của anh N xe mô tô bị trộm cắp vào khoảng tháng 8 năm 2011 tại khu vực phố Thái Hà, phường T, quận Đ, thành phố H. Sau khi xảy ra sự việc, anh N đã trình báo với Công an phường T, quận Đ, thành phố H. Tuy nhiên qua xác M thì Công an phường T không còn lưu sổ sách ghi nhận việc trình báo sự việc trộm cắp tài sản của năm 2011. Anh N không cung cấp giấy tờ chứng M chiếc xe mô tô đặc điểm nêu trên là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của N. Do chưa đủ căn cứ xác định được chiếc xe mô tô thuộc quyền sở hữu của ai, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã tách phần tài liệu liên quan đến chiếc xe mô tô để tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau là phù hợp.

[9] **Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm 1 khoản 1 Điều 249, các điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự : Tuyên bố bị cáo Bùi Thanh H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Bùi Thanh H 30(Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 30/5/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong theo quy định do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N bàn giao sau giám định, trên phong bì ghi số 132/KLGD-PC09-MT, bên trong có chứa chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,1409 gam, là ma túy, loại Methamphetamine; Chất bột màu hồng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M2 có khối lượng 0,2199 gam, M3 có khối lượng 0,1949, đều là ma túy, loại MDMA; Toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong; 01 phong bì niêm phong theo quy định pháp luật, đựng vật chứng còn lại sau khi cân xác định khối lượng gồm: 02 vỏ túi nilon màu trắng và 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Thanh H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng đã qua sử dụng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Đặc điểm chi tiết các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/9/2020 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện G và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G).

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người phải thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
 - VKSND tỉnh N;
 - VKSND huyện G;
 - Trại tạm giam CA tỉnh N;
 - Công an huyện G;
 - Chi cục THADS huyện G;
 - Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
 - Lưu HS, VP;
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN HỮU Q